

Bản án số: 117/2018/HS-ST

Ngày: 13-7-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần T Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Bảo Hồng.

2/ Bà Lý Ngọc Mạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Sơn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Khả – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 101/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2018/QĐXXST-HS ngày 29/6/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng T, sinh ngày 19/4/1990, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú (Hộ khẩu thường trú: Số 68/6C Đường P, Phường I, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc A và bà Nguyễn Thị Thu O; vợ, con: Chưa có; tiền án: Tại bản án số 262/2016/HSST, ngày 09/12/2016, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp K sản”, ngày 18/4/2017 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: không; nhân thân: Ngày 08/01/2018, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 20 tháng, kể từ ngày 13/11/2017; bị bắt tạm giam từ ngày 12/02/2018.

(Có mặt)

Bị hại: Anh Lê Nguyễn Minh M, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Số 68/6D Đường P, Phường I, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các K liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ, ngày 11/11/2017, Nguyễn Hồng T đi bộ về nhà số 68/6C Đường P, Phường I, Quận X thì T nhìn thấy chiếc xe biển số 59L2-287.24 của anh Lê Nguyễn Minh M dựng trước nhà số 68/6D Đường P, Phường I, Quận X không khóa cốp xe, không người trông coi; nên T nảy sinh ý định trộm chiếc xe này để bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, T đi đến dẫn lùi xe biển số 59L2-287.24 ra ngoài đầu hẻm 68 Đường P, Phường I, Quận X rồi điều khiển xe đến tiệm bán cá số 60 Dương Bá Trạc, Phường I, Quận X cầm

xe trên cho đối tượng tên K (chưa xác định được lai lịch) với giá 6.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết 4.100.000 đồng, còn lại 1.900.000 đồng.

Bị mất K sản, anh M đến Công an Phường I, Quận X trình báo vụ việc. Qua điều tra, Nguyễn Hồng T đến Công an phường làm việc và giao nộp số tiền 1.900.000 đồng còn lại. Sau đó, hồ sơ vụ việc được chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 để điều tra làm rõ.

Ngày 27/12/2017, Hội đồng định giá K sản trong tố tụng hình sự Quận 8 kết luận trị giá còn lại của chiếc xe biển số 59L2-287.24 là 50.150.000 đồng.

Ngày 05/02/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 8 ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định khởi tố bị can và ngày 12/02/2018 thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Hồng T về hành vi “Trộm cắp K sản” theo Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Nguyễn Hồng T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Lời khai của Nguyễn Hồng T phù hợp với các K liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án.

Qua xác minh, chiếc xe biển số 59L2-287.24 do anh Lê Nguyễn Minh M đứng tên sở hữu. Gia đình Nguyễn Hồng T đã bồi thường số tiền 7.000.000 đồng cho anh M để anh M chuộc lại xe biển số 59L2-287.24. Khi gặp K để chuộc xe thì anh M không báo cho cơ quan Công an biết và anh M không yêu cầu bồi thường.

Số tiền 1.900.000 đồng là tiền còn lại do Nguyễn Hồng T phạm tội mà có, hiện Công an Quận 8 đang tạm giữ.

Qua xác minh đối tượng K không xác định được lai lịch, nên Công an Quận 8 không có căn cứ xử lý.

Bản cáo trạng số 110/CT-VKS ngày 15/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Hồng T về tội “Trộm cắp K sản” theo điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm e Khoản 2 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; các điểm: g, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng T mức án từ 03 (Ba) năm đến 04 (Bốn) năm tù và miễn phần hình phạt bổ sung cho bị cáo (do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn và khó thi hành) cũng như không xem xét giải quyết về trách nhiệm dân sự (vì người bị hại không có yêu cầu). Đồng thời không xem xét xử lý vật chứng trong vụ án (vì bị hại đã nhận lại chiếc xe). Đối với số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có là 1.900.000 đồng, thì tịch thu nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các K liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; của Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; của Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hồng T đã khai nhận toàn bộ hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt K sản của bị hại là anh Lê Nguyễn Minh M, vào khoảng hơn 04 giờ, ngày

11/11/2017, tại khu vực nhà số 68/6D Đường P, Phường I, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. K sản chiếm đoạt là 01 chiếc xe gắn máy, biển số 59L2-287.24; qua định giá xác định có trị giá là 50.150.000 đồng (Năm mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), thuộc trường hợp K sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng. Do đó, đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Hồng T đã phạm vào tội “Trộm cắp K sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[3] Về tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự: K sản bị cáo T đã chiếm đoạt của bị hại thuộc trường hợp K sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng, nên đây là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Nên bị cáo Nguyễn Hồng T phải bị xét xử theo quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Hồng T đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cô ý; nên trong lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm” (được quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009)).

[5] Về nhân thân: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc có thời hạn; nên Hội đồng xét xử cần lưu ý khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về lỗi lầm đã gây ra; bị hại đã nhận lại K sản bị chiếm đoạt, nên gây thiệt hại không lớn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm: g, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[7] Bản cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh đối với bị cáo Nguyễn Hồng T là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, mức án mà Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo; nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) thì bị cáo còn có thể bị phạt một số tiền nhất định để nộp ngân sách nhà nước. Nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn và khó thi hành; nên Hội đồng xét xử không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại K sản và không có yêu cầu gì khác, tại phiên tòa vắng mặt; nên không xem xét giải quyết.

[10] Về số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có: Bị cáo cầm chiếc xe cho đối tượng tên K với số tiền là 6.000.000 đồng, đã tiêu xài hết 4.100.000 đồng, còn lại 1.900.000 đồng giao nộp cho cơ quan điều tra; gia đình bị cáo đã bỏ ra số tiền 7.000.000 đồng để chuộc lại chiếc xe và không có yêu cầu gì đối với số tiền này.

Xét số tiền 1.900.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có, nên cần tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước.

[11] Về vật chứng: Bị hại đã nhận lại chiếc xe biển số 59L2-287.24 là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[13] Đối với đối tượng K (nhận cầm chiếc xe biển số 59L2-287.24 do bị cáo T phạm tội mà có), do không xác định được lai lịch, địa chỉ; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh không xử lý trong vụ án là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm e Khoản 2 Điều 138; điểm g Khoản 1 Điều 48; các điểm: g, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hồng T 03 (Ba) năm tù, về tội “Trộm cắp K sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày 12/02/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Hồng T.

Về trách nhiệm dân sự: Không giải quyết.

Về số tiền thu lợi bất chính do phạm tội mà có: Căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.900.000 đồng.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 107/PNK ngày 03/5/2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8, TP.HCM).

Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Hồng T phải chịu số tiền là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- PC.53 CA TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND Q.8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q.8;
- CQĐT CAQ.8, TP.HCM;
- CQTHAHS Q.8, TP.HCM;
- NTG CAQ.8, TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần T Trúc